

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán

Dự án: Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát

(đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)

Địa điểm xây dựng: thị xã An Nhơn - huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát);

Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 110/SXD-HTKTTĐ ngày 08/4/2020, đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 426/SGTVT-GT ngày 07/4/2020, đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 306/SCT-QLNL ngày 18/3/2020 và đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại văn bản số 597/TTr-BQLGT ngày 09/4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát), với nội dung chính như sau:

1. Nhóm dự án: Nhóm B.

2. Loại và cấp công trình: Công trình đường đô thị, cấp II.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh

4. Địa điểm xây dựng: thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

5. Phạm vi dự án

- Điểm đầu: Ngã tư Gò Găng, giao với Quốc lộ 1 tại Km1201+800.
- Điểm cuối: Cổng sân bay Phù Cát.
- Chiều dài đoạn tuyến $L=1,6$ km, đi qua địa bàn huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn.

6. Quy mô xây dựng: Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu (TCXDVN 104:2007), với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế $V = 60$ Km/h.
- Mặt đường bê tông nhựa cấp cao A1 đối với kết cấu làm mới; phạm vi mặt đường cũ, sử dụng kết cấu tăng cường. Mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160$ Mpa.
- Quy mô mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 30$ m;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 2 \times 3,5 \text{ m} + 2 \times 4,0 \text{ m} = 15$ m;
 - + Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{gpc} = 3,0$ m;
 - + Bề rộng dải an toàn giữa: $B_{atg} = 2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0$ m;
 - + Bề rộng dải an toàn bó vỉa: $B_{atbv} = 2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0$ m;
 - + Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = 2 \times 5 \text{ m} = 10,0$ m.
- Tải trọng thiết kế công: H30.

7. Phương án xây dựng

a. Nền, mặt đường

- Nền đường: nền đường đắp đất cấp phối đồi đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp nền giáp đáy móng kết cấu áo đường dày 50cm, đầm chặt $K \geq 0,98$.
- Kết cấu mặt đường:
 - + Kết cấu mặt đường làm mới gồm các lớp như sau:
 - .Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm.
 - .Nhũ tương dính bám 0,5 Kg/m².
 - .Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - .Nhựa thấm bám 1,0 Kg/m².
 - .Cấp phối đá dăm loại I ($D_{max}=25$) dày 15cm.
 - .Cấp phối đá dăm loại I ($D_{max}=37,5$) dày 30cm.
 - + Kết cấu mặt đường tăng cường trên đường cũ, gồm các lớp sau:
 - Đối với đoạn chiều dày bù vênh ≤ 5 cm:
 - .Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm.
 - .Nhũ tương dính bám 0,5 Kg/m².
 - .Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
 - .Nhũ tương dính bám 0,5 Kg/m².
 - .Bù vênh BTN C19.
 - .Nhũ tương dính bám 0,5 Kg/m².
 - Đối với đoạn chiều dày bù vênh > 5 cm và < 20 cm:

- .Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm.
- .Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m².
- .Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
- .Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m².
- .Bù vênh đá dăm đen.
- .Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m².

● *Đối với đoạn chiều dày bù vênh $\geq 20\text{cm}$:*

- .Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm.
- .Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m².
- .Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
- .Nhựa thấm bảm 1,0 Kg/m².
- .Bù vênh cấp phối đá dăm loại I Dmax25 và Dmax37,5.

b. Nút giao thông: Trên tuyến có 03 nút giao ngã tư lớn gồm 02 nút giao đường bộ (nút giao đầu tuyến với Quốc lộ 1 tại Km1201+800; nút giao cuối tuyến) và 01 nút giao với đường sắt Bắc – Nam tại lý trình Km1+473 (Km1076+450 - lý trình đường sắt).

- Nút giao thông đường bộ: Các nút giao được thiết kế giao bằng cùng mức đơn giản và bố trí đầy đủ thông an toàn giao thông theo QCVN 41:2016/BGTVT. Đối với nút giao với Quốc lộ 1 điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn.

- Nút giao thông đường sắt và các hạng mục liên quan

+ Xây dựng mở rộng nền mặt đường tại vị trí nút giao đảm bảo bề rộng bằng với tuyến chính. Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng, phạm vi xây dựng 104m.

+ Cải tạo và nâng vượt trắc dọc đường sắt từ Km1076+175 đến Km1076+550.

+ Xây dựng hoàn trả nhà trạm gác, hệ thống thông tin tín hiệu đường ngang và hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt.

+ Xây dựng cầu bê tông khẩu độ BxH =1,5x1,0m tại lý trình Km1076+333,3 thay thế cầu bê tông cũ tại lý trình Km1076+360,35 bị hư hỏng, xuống cấp.

+ Xây dựng 2 rãnh BTXM thoát nước mặt đường tại khu vực đường sắt.

c. Đường giao dân sinh: Được thiết kế vượt vào tuyến chính, bán kính vượt nổi tối thiểu R=3m, độ dốc dọc vượt nổi vào các đường giao dân sinh theo cao độ tuyến chính. Phạm vi vượt nổi kết cấu mặt đường chính ra 5 - 10m tùy đường giao. Kết cấu xây dựng trên mặt bê tông cũ gồm các lớp sau:

- Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm.
- Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m².

d. Đường giao quy hoạch: Xây dựng các điểm đầu nối chờ trong phạm vi chỉ giới xây dựng của dự án. Kết cấu mặt đường làm mới như tuyến chính.

đ. Các công trình an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT.

e. Dải phân cách: Dải phân cách rộng 3m, sử dụng viên bó vỉa bê tông C20, chiều dài viên bó vỉa là 1m, sơn trắng đỏ với khoảng cách 1m và 2m. Bên trong đắp đất màu để trồng cây.

g. Bó vỉa, vỉa hè: Bó vỉa hè bằng bê tông C20. Vỉa hè lát gạch Terrazo dày 3,2cm, bên dưới là lớp vữa XM C8 dày 5cm trên lớp cát đệm dày 5cm.

h. Công trình thoát nước

- Công thoát nước dọc: Xây dựng các cống tròn BTLT khẩu độ từ Ø600-Ø1000 hai bên tuyến, kết hợp rãnh chữ nhật BTCT C16 có lắp đan BTCT C20 để thu, thoát nước dọc tuyến. Các hố ga kết cấu BTXM C20.

- Công thoát nước ngang: Xây dựng mới các cống ngang đường để thu nước từ hệ thống thoát nước dọc thải ra các cửa xả. Kết cấu cống bằng ống BTLT đúc sẵn và cống hộp BTCT.

- Tuynel kỹ thuật: Xây dựng 03 Tuynen kỹ thuật ngang bằng bê tông cốt thép, khoảng cách trung bình 0,5 km/1cái.

i. Cây xanh

- Trên dải phân cách giữa được được trồng cây chà là, cỏ lá gừng và các cây hoa giấy. Khoảng cách giữa các cây chà là được thiết kế là 6,5m, chiều cao $\geq 3m$, đường kính cây $\geq 35cm$. Cây hoa giấy trồng 2 hàng, khoảng cách giữa các cây 1,5m, chiều cao trung bình $h=50cm$ đường kính tán trung bình $h \geq 35cm$.

- Hai bên vỉa hè trồng cây sao đen, khoảng cách trung bình 10m/ cây, chiều cao 3-4m, đường kính cây 5-7cm.

k. Cấp nước và phòng cháy chữa cháy

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt dọc hai bên tuyến đường thay thế cho hệ thống cấp nước hiện hữu với tổng chiều dài $L= 5.688m$ (gồm 3.114m ống D110m, 2.754 ống D63mm). Trên mạng lưới cấp nước bố trí 11 trụ cứu hỏa và các phụ kiện khác như van các loại, tê, côn, nút.

- Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè và một số đoạn dưới lòng đường (các đoạn qua đường). Ống dưới vỉa hè sử dụng vật liệu HDPE, ống dưới lòng đường sử dụng vật liệu HDPE và được bảo vệ bởi ống sắt tráng kẽm.

l. Hệ thống điện chiếu sáng

- Xây dựng mới đường dây 22kV, đường dây chiếu sáng và 01 trạm biến áp 3 pha 50kVA-22/0,4kV để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng trên tuyến đường gồm:

+ Đường dây 22kV xây dựng mới đi ngầm với chiều dài tuyến 05m, dây dẫn cáp ngầm bằng đồng bọc loại XLPE/PVC/DSTA/PVC 24kV-3x50mm² và các vật liệu điện chuyên dụng kèm theo.

+ Đường dây chiếu sáng xây dựng mới đi ngầm có tổng chiều dài tuyến 1.847m, dùng cáp ngầm CXV/DSTA(4x16)mm² - 0,6/1kV; cấp nguồn cho tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng dây đồng bọc hạ thế 3CV50 + 1CV25mm². Cấp lên đèn bằng dây đồng bọc loại CVV(2x2,5)mm² - 0,6/1kV. Đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn led 120W - 220V.

+ Trạm biến áp chiếu sáng: Xây dựng 01 trạm biến áp 3 pha công suất 50kVA-22/0,4kV, có kết cấu kiểu trạm búp sen, trụ đỡ máy biến áp bằng thép ống mạ kẽm nhúng nóng, đặt ngoài trời, không có tường rào bao che.

- Cột chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 10m (bao gồm cần đèn cao 02 m), được mạ kẽm nhúng nóng.

- Móng cột loại bê tông cốt thép đúc tại chỗ ký hiệu: Móng trụ thép ống đặt máy biến áp MBS-1 và móng cột chiếu sáng MCS.

- Sứ đứng và sứ treo loại 24kV.

- Tiếp địa trạm: Loại cọc tia NĐT-20C, các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.

- Tiếp địa cột: Loại cọc tia NĐC-6C, NĐC-1C và các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.

- Xà, dùng thép hình gia công mạ kẽm nhúng nóng.

- Tủ điện điều khiển chiếu sáng tự động 2 chế độ.

- Cáp lực tổng loại 600V: 4xCV50mm².

- Bảo vệ quá điện áp khí quyển dùng chống sét van polymer 18kV.

- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía trung áp đầu nhánh rẽ đường dây cáp ngầm dùng cầu trì tự rơi LBFCO-24kV-100A.

- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía hạ áp dùng Aptomat tổng 3 cực 600V-75A.

- Tủ tụ bù hạ thế tại trạm biến áp là 30kVAr-400V, điều khiển đóng cắt tự động theo hệ số công suất đảm bảo $\cos\varphi \geq 0,9$.

8. Dự toán xây dựng công trình: 73.919.043.000 đồng (Bảy mươi ba tỷ, chín trăm mười chín triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Trong đó:

Đơn vị: 1.000 đồng.

Khoản mục chi phí	Hạng mục: Nền mặt đường, công trình thoát nước, cây xanh (bao gồm các hạng mục liên quan đến đường sắt)	Hạng mục: Cấp nước và phòng cháy chữa cháy	Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	Tổng cộng
Chi phí xây dựng	55.545.012	2.886.761	4.263.117	62.694.890
Chi phí thiết bị	75.754	0	187.065	262.819
Chi phí quản lý dự án	879.833	57.153	70.491	1.007.477
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.113.138	122.102	276.922	3.512.162
Chi phí khác	1.693.215	13.716	24.271	1.731.202
Chi phí dự phòng	4.162.512	211.656	336.325	4.710.493
Tổng cộng	65.469.464	3.291.388	5.158.191	73.919.043

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: 2019 – 2023.

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19 (M.14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng